Ở Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1077/QĐ-BVTMH

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", thuộc dự toán: "Gói Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", "Bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Tai Mũi Họng"**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ tờ trình phê duyệt chủ trương ngày 30/09/2026 và 14/10/2026 đã được Giám đốc phê duyệt;*

*Căn cứ thông báo số 814/TB-BVTMH ngày 01/10/2026 Về việc mời chào giá làm cơ sở dự toán mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao lần 3 năm 2026;*

*Căn cứ thông báo số 886/TB-BVTMH ngày 14/10/2026 Về việc mời chào giá làm cơ sở dự toán mua sắm vật tư tiêu hao lần 4 năm 2026;*

*Căn cứ biên bản xét giá ngày 12/10/2026 về việc chọn giá làm cơ sở xây dựng dự toán mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao lần 3 năm 2026;*

*Căn cứ biên bản xét giá ngày 26/10/2026 về việc chọn giá làm cơ sở xây dựng dự toán mua sắm vật tư tiêu hao lần 4 năm 2026;*

*Căn cứ tờ trình ngày 27/10/2026, về việc phê duyệt dự toán gói thầu: "Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", thuộc dự toán: "Gói Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)". Bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Tai Mũi Họng" ;*

*Căn cứ Quyết định số1063/QĐ-BVTMH ngày 27/10/2026 về việc phê duyệt dự toán gói thầu: "Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", thuộc dự toán: "Gói Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", Bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Tai Mũi Họng'';*

*Căn cứ tờ trình số 16.26/TTr-TBYT ngày 28/10/2026 của phòng vật tư, thiết bị y tế về việc trình KHLCNT gói thầu:"Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", thuộc dự toán:"Gói Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", Bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Tai Mũi Họng''.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)", thuộc dự toán:"Gói Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)",, Bằng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Tai Mũi Họng''cụ thể như sau:

- Tổng giá trị dự toán: **308.846.550 VNĐ** ***(Bằng chữ: Ba trăm, lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi đồng./.)***

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và danh mục: xem phụ lục đính kèm

**Điều 2.** Quyết định này được dùng làm cơ sở để thực hiện lựa chọn nhà thầu (chọn thầu, ký kết hợp đồng), mọi sự thay đổi phải được phê duyệt bổ sung theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng vật tư, thiết bị y tế và các Phòng ban thuộc Bệnh viện chiếu quyết định thi hành, đồng thời có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Lưu: VT, "TBYT(NTT/05b) PHS".

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

**Lê Trần Quang Minh**

# PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

*(Đính kèm Quyết định phê duyệt KHLCNT số 1037/QĐ-BVTMH, ngày 29 tháng 10 năm 2026)*

| Stt | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (VNĐ) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *Tên gói thầu* | *Tóm tắt công việc chính của gói thầu* | | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Tai Mũi Họng | *Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)* | *Mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao năm 2026 (lần 3&4)* | **308.846.550** | Chi thường xuyên | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 60 ngày | Quý IV/ 2026 | Theo đơn giá cố định | 12 tháng | Không có | Không đề xuất |
| **Tổng cộng** | | | | **308.846.550** | ***(Bằng chữ: Ba trăm lẻ tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi đồng)./.)*** | | | | | | | | |

# PHỤ LỤC
## DANH MỤC GÓI MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ TIÊU HAO NĂM 2026 (LẦN 3&4)

*(Đính kèm Quyết định phê duyệt KHLCNT số: 617/QĐ-BVTMH, ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng)*

| Stt | Tên trong E-TBMT | Yêu cầu kỹ thuật | ĐVT | Quy cách đóng gói | Số lượng | Đơn giá dự toán | Thành Tiền dự toán |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Phần 1: Túi cho ăn** | | | | | | | |
| 1.1 | Túi cho ăn kiểu truyền trọng lực | Túi cho ăn qua đường tiêu hóa bằng phương pháp trọng lực, dung tích 1.200 mL.<br>* Dung tích: 1.200 mL, ống PVC dài 150cm<br>* Phương thức sử dụng: truyền/cho ăn bằng trọng lực.<br>* Vô khuẩn.<br>* Không gây sốt<br>* Dùng một lần có tiệt trùng, có vạch chia thể tích để theo dõi lượng dịch/thức ăn.<br>Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA | Cái | Cái/gói | 3.360 | 29.400 | 98.784.000 |
| **Tổng:** | | | | | | | **98.784.000** |
| **Phần 2: Bẫy nước Carestaiton** | | | | | | | |
| 2.1 | Bẫy nước khối đo EtCO2 cho máy gây mê giúp thở Carestation 620/GE | Bẫy nước dùng cho khối đo EtCO2 (đo khí thở ra) của máy gây mê kèm thở.<br>* Tương thích, lắp đặt và vận hành được trên máy gây | Cái | Cái/gói | 20 | 725.000 | 14.500.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | mê kèm thở Carestation 620 (GE) đang sử dụng tại đơn vị; nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh tính tương thích.<br>Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 | | | | | |
| | | **Tổng** | | | | | **14.500.000** |
| **Phần 3: Mặt nạ, ống đặt thanh quan các loại** | | | | | | | |
| 3.1 | Mặt nạ thanh quản 2 nòng I-Gel | Mặt nạ thanh quản loại gel mềm, không cần bơm hơi, tích hợp chống cắn, và nòng đặt sonde dạ dày<br>Kích cỡ 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, chiều dài 145, 175, 200, 225, 235, 240, 260mm ± 20mm, chiều rộng/chiều dài mặt nạ: 22/28, 28/38, 35/46, 42/54, 48/60, 52/66, 53/70mm ± 5mm, kích thước sonde dạ dày khuyến cáo 0, 8, 8, 12, 12, 12, 12Fr<br>Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA | Cái | Cái/ gói | 25 | 524.790 | 13.119.750 |
| 3.2 | Ống đặt nội khí quản cong mũi có bóng các số | Ống nội khí quản cong mũi bằng PVC nhạy nhiệt, thân có đường cản quang, có 2 vạch đánh dấu gần bóng<br>Bóng mềm, loại SVLP (thể tích | Cái | 1cái/ gói<br>10 cái/hộp | 30 | 52.500 | 1.575.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | tiêu chuẩn, áp lực thấp), dây bơm bóng mềm mại, chống xoắn, có in thông tin đường kính trong của ống.<br>Đầu xa hình mũi trâu, được bo tròn, trơn nhẵn<br>Các size từ 4.0 – 10.0, OD từ 5,5-13.3mm, dài ống từ 310-400mm, đường kính bóng 14-27mm<br>Một số size thông dụng<br>6 (OD 8.2mm, chiều dài ống 360mm, đường kính bóng 19mm)<br>7 (OD 9.3mm, chiều dài ống 380mm, đường kính bóng 22mm)<br>8 (OD 10.7mm, chiều dài ống 390mm, đường kính bóng 24mm)<br>Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA | | | | | |
| 3.3 | Ống nội khí quản Sacett có bóng chèn có hút dịch trên bóng các cỡ | Ống nội khí quản loại có dây hút đàm trên bóng hình phễu dễ gom dịch tiết, dạng mềm, thành mỏng (0.06mm ± 5%), đường kính lớn (số 7 trở lên có đường kính bóng ≥ 30mm) | Cái | 1cái/ gói<br>10 cái/hộp | 60 | 378.000 | 22.680.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | * Vạch đánh dấu cách bóng 3.5cm (size 6.0, 6.5, 7.0, 7.5), 4cm (size 8.0, 8.5, 9.0)<br>* Dây bơm bóng có in thông tin ID ống và đường kính bóng<br>* Các cỡ: 6-9, OD từ 9.1-13mm, chiều dài ống từ 290-330mm, đường kính bóng từ 23-30mm<br>* Một số size thường dùng: số 7.0 (OD 10.4mm, đk bóng ≥30mm), số 7.5 (OD 11.3mm, đk bóng ≥30mm), số 8.0 (OD 11.8mm, đk bóng ≥30mm)<br>Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | **37.374.750** |
| **Phần 4: Lọc khuẩn, lọc vius và trao đổi độ ẩm** | | | | | | | |
| 4.1 | Lọc vi khuẩn 3 chức năng các cỡ | Lọc vi khuẩn 3 lọc khuẩn, lọc virus và trao đổi nhiệt ẩm (HMEF), phân loại lọc tĩnh điện (hoặc lọc cơ học tương đương)<br>Chất liệu: Nhựa y tế an toàn, không chứa chất độc hại (PVC y tế, PP, PC hoặc tương đương)<br>- Hiệu quả lọc ≥ 99,9% | Cái | Thùng/ 50 cái | 4000 | 29.400 | 117.600.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | - Có cổng đo CO2, vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn, kết nối 22/15F - 22F/15M<br>- Khoảng chết: 20ml (người lớn)/ 12ml (trẻ em)<br>- Trở kháng 28pa tại 30L/phút<br>- Thể tích khí lưu thông : Tương thích dải thể tích thông khí cho người lớn (từ 150 - 200ml trở lên) và trẻ em (từ 50 - 75ml trở lên)<br>*Tiêu chuẩn: CE, ISO. | | | | | |
| **Tổng:** | | | | | | | **117.600.000** |
| **Phần 5: Dung dịch xà phòng vệ sinh tay** | | | | | | | |
| 5.1 | Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa Chlorhexidine digluconate 4% | Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 %<br>Dạng bào chế: Dung dịch/xà phòng rửa tay sát khuẩn có bọt dùng trong y tế/ngoại khoa.<br>Thành phần chất dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate.<br>Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... | Chai | 1 thùng 12 chai/<br>1 chai 500ml | 150 | 89.900 | 13.485.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium.<br>Độ pH: Thân thiện với da tay (pH trung tính hoặc trong khoảng 5.0 - 7.0)<br>Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 | | | | | |
| | | | **Tổng:** | | | | **13.485.000** |
| **Phần 6: Mực đánh dấu mô trong xét nghiệm Giải Phẫu Bệnh** | | | | | | | |
| 6.1 | Mực đánh dấu mô màu xanh dương | '- Dùng đánh dấu bờ phẫu thuật<br>- Màu xanh dương<br>- Xác định phân đoạn trong mô lớn để định hướng đúng đắn<br>- Đánh dấu nhiều phần của mô trong cùng cassette<br>- Duy trì màu sắc trong suốt quá trình xử lý mô, sử dụng được trên mẫu mô tươi hoặc mẫu mô đã cố định formalin<br>- Mực bám dính tốt trên bề mặt mô, chịu được các hóa chất khắc nghiệt trong quá trình xử lý (như cồn, xylene, formalin, sáp paraffin) mà không bị phai màu hay lem sang các vùng khác<br>Đạt tiêu chất lượng ISO 13485 | Chai 60ml | Hộp/ 1 chai 60ml | 1 | 1.751.400 | 1.751.400 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6.2 | Mực đánh dấu mô màu đen | 'Dùng đánh dấu bờ phẫu thuật<br>Màu đen<br>Xác định phân đoạn trong mô lớn để định hướng đúng đắn<br>Đánh dấu nhiều phần của mô trong cùng cassette<br>Duy trì màu sắc trong suốt quá trình xử lý mô,sử dụng được trên mẫu mô tươi hoặc mẫu mô đã cố định formalin<br>Mực bám dính tốt trên bề mặt mô, chịu được các hóa chất khắc nghiệt trong quá trình xử lý (như cồn, xylene, formalin, sáp paraffin) mà không bị phai màu hay lem sang các vùng khác<br>Đạt tiêu chất lượng ISO 13485 | Chai 60ml | Hộp/ 1 chai 60ml | 1 | 1.751.400 | 1.751.400 |
| **Tổng:** | | | | | | | **3.502.800** |
| **Phần 7: Bóng đèn các loại** | | | | | | | |
| 7.1 | Bóng đèn (cắm) hologen 24V/150W | 'Bóng đèn (cắm) hologen 24V/150W 64640 tương thích với máy của Bệnh viện<br>- Nguồn điện: 24V, công suất: 150W<br>- Loại ghim chân cắm G6.35 | Cái | Cái/ hộp | 20 | 130.000 | 2.600.000 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | - Hàng hóa đạt tiêu chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. | | | | | |
| 7.2 | Bóng đèn (cắm) hologen 24V/50W | 'Bóng đèn (cắm) tương đương hologen 24V/50W DN 26359 tương thích với máy của Bệnh viện<br>- Nguồn điện: 24V, công suất: 50W<br>- Loại ghim chân cắm G8<br>Hàng hóa đạt tiêu chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. | Cái | Cái/ hộp | 50 | 420.000 | 21.000.000 |
| **Tổng:** | | | | | | | **23.600.000** |
| **Tổng cộng:** ***(Bằng chữ: Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi đồng)./.*** | | | | | | | **308.846.550** |